

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều **55, 58, 81, 82 và 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **82/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020** về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trần Ánh N; trú tại: 3/3/24 đường Hạ Đoạn 1, tổ dân phố Hạ Đoạn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Nguyễn Văn T; trú tại: 3/3/24 đường Hạ Đoạn 1, tổ dân phố Hạ Đoạn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ánh N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 10 tháng 02 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của hai bên và tại phiên hòa giải ngày 11 tháng 5 năm 2020 cho thấy quá trình chung sống giữa chị **N và anh T** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải mâu

thuần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Việc chị **N và anh T** xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **N và anh T** về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về con chung: **Chị N và anh T** có 02 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 03/4/2012 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Hoàng N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Nguyễn Nhật A cho anh Thúc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: **Chị N và anh T** cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: **Chị N và anh T** mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/5/2020, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị N và anh T gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Ánh N và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 03/4/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N và anh T** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **N và anh T** cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **N và anh T** mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh, chị đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu số 0005614 ngày 24/4/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận H;
- **UBND phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng;**
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh